

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5- 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Bá Lộc

2. Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê T Pc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 581/2029/TLST-HNGĐ, ngày 3 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị P T T H, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp T H, xã T P, huyện B L, tỉnh L A.

Bị đơn: Anh V T S, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T H, xã T P, huyện B L, tỉnh L A.

(Chị H có mặt, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị P T T H trình bày trong đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết như sau:

Chị P T T H, anh V T S xác lập quan hệ hôn nhân năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T P, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung sống bên gia đình của anh S tại xã T P. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến cãi vã nhau và tình cảm vợ chồng không còn. Chị H không thể tiếp tục chung sống với anh S và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị H, anh S chung sống có 01 con chung tên V P B K, sinh ngày 19/9/2017. Hiện tại Chị H đang nuôi cháu K. Sau khi ly hôn, về con chung Chị H yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tại bản tự khai ngày 11/2/2020 của anh V T S trình bày: Anh và Chị H kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T P, huyện Bến Lức. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau, nay Chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung : có 01 con chung tên V P B K , sinh ngày 19/9/2017. Khi ly hôn anh đồng ý để Chị H tiếp tục nuôi con.

Về tài sản chung, và nợ chung: Anh S xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị P T T H khởi kiện ly hôn với anh V T S. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bị đơn anh V T S có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Chị P T T H, anh V T S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T P, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 08/2016 ngày 15/02/2016. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị P T T H đối với anh V T S. Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống, sinh được 01 con chung. Do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị H xin ly hôn, tại bản tự khai ngày 11/02/2020 anh S đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P T T H.

[5] Về nuôi con chung:Chị H yêu cầu được nuôi cháu V P B K, và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu B K từ khi sinh ra đến nay Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, Chị H đang là công nhân có mức lương ổn định do đó Chị H yêu cầu được nuôi con là có căn cứ.

[6] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xét đến. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[7] Tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh S đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P T T H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P T T H với anh V T S

1. Về hôn nhân: Cho chị P T T H được ly hôn với anh V T S.

2. Về nuôi con chung: Chị P T T H và anh V T S có 01 con chung tên V P B K, sinh ngày 19/9/2017. Giao con chung V P B K, sinh ngày 19/9/2017 cho chị P T T H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V T S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị P T T H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01483 ngày 03/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung ngân sách Nhà nước.

Chị H có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã T P ,
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự
- UBND xã An Thạnh
- Lưu HS, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan - Nguyễn Thị Hương

Huỳnh Thị Hoàng